

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/01/2025.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Danh.

2. Ông Thạch Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Long T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Sơn Khuê T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2024, nguyên đơn anh Trương Long T trình bày:

Vào năm 2007 anh Trương Long T và chị Sơn Khuê T1 tự nguyện kết hôn và

được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09-01-2007; thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2023 thì giữa anh T và chị T1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống cho đến nay. Do đó, anh T khởi kiện, yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Trương Long T và chị Sơn K T1 có 01 con chung tên Trương Long Đ, sinh ngày 24-8-2008, hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trương Long Đ, sinh ngày 24-8-2008 cho đến khi tròn 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị Sơn Khuê T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trương Long T tự trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đối với bị đơn chị Sơn Khuê T1:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cụ thể: anh T được ly hôn với chị T1. Giao con chung tên Trương Long Đ, sinh ngày 24-8-2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Anh T tự trình bày, không có, không yêu cầu giải quyết, chị T1 không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Trương Long T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn chị Sơn Khuê T1. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn chị T1 cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Nguyên đơn anh T vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, bị đơn chị T1 vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các được sự đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị T1 vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh T và bị đơn chị T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 02/2021, Quyển số I, ngày 09-01-2007. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh T và chị T1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn anh T và chị T1 chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm mặc dù hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh T và chị T1 không còn sống chung từ khoảng năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T, Quyết định cho ly hôn giữa anh T và chị T1 là phù hợp.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị T1 có với nhau 01 người con chung tên Trương Long Đ, sinh ngày 24-8-2008 (đến nay cháu 16 tuổi 4 tháng 27 ngày). Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện đang sống chung với anh T, cuộc sống đã ổn định, chị T1 không có ý kiến trình bày phản đối với yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; đồng thời theo Bản tự khai, của cháu Trương Long Đ, đề ngày 26-8-2024 có nguyện vọng được sống chung với cha là anh Trương Long T nên Hội đồng xét căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận, anh T không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Như đã nhận định, phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: anh Trương Long T được ly hôn với chị Sơn Khuê T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Long Đ, sinh ngày 24-8-2008 cho anh Trương Long T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Sơn Khuê T1 có quyền, nghĩa vụ tham nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Trương Long T không yêu cầu chị Sơn K T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trương Long T tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Trương Long T chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số: 0005789 ngày 23-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND T. Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- UBND xã Phú Tân, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Trúc